

## Tiếp cận lý thuyết nhân học trong nghiên cứu gia đình

**Đặng Thị Hoa**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Bài viết tổng hợp một số nội dung cơ bản của các lý thuyết nhân học được áp dụng trong nghiên cứu gia đình như thuyết tương đối văn hoá, thuyết chức năng, thuyết cấu trúc, trường phái văn hoá và nhân cách; đồng thời đề cập đến các quan điểm của một số nhà nhân học trên thế giới và Việt Nam nghiên cứu về gia đình. Tác giả cho rằng, cho đến nay, vẫn chưa có quan điểm thống nhất hay một khái niệm được thừa nhận một cách thuyết phục nhất về gia đình. Những vấn đề liên quan đến khái niệm, các loại hình, cấu trúc, các mối quan hệ trong gia đình, các giá trị của gia đình dưới góc độ văn hóa, v.v. vẫn cần tiếp tục được làm rõ.

**Từ khoá:** Gia đình; Văn hoá; Nhân học; Nghiên cứu gia đình.

Gia đình là một thiết chế xã hội và thông qua nghiên cứu về thiết chế xã hội này, chúng ta có thể thấy được những vấn đề đang diễn ra trong xã hội một cách hoàn chỉnh. Nghiên cứu về gia đình luôn là vấn đề được các nhà nhân học quan tâm và coi là một nhiệm vụ nghiên cứu quan trọng. Dưới cách tiếp cận nhân học, các vấn đề gia đình được đặt trong mối quan hệ nhiều chiều cạnh, phản ánh đầy đủ các đặc điểm về dân số, kinh tế - xã hội, quá trình tộc người, lịch sử - văn hóa và các mối quan hệ qua lại bên trong và bên ngoài của gia đình, giữa các thành viên và mỗi cá nhân trong gia đình.

Trong bài viết này, chúng tôi bước đầu tìm hiểu một số lý thuyết cơ bản của nhân học và quan điểm nghiên cứu của một số nhà nhân học trên thế giới và ở Việt Nam nghiên cứu về gia đình.

### 1. Tiếp cận một số lý thuyết trong nhân học áp dụng nghiên cứu gia đình

*Thuyết tương đối văn hóa* (cultural relativism) do Franz Boas (1858-1942) là người khởi xướng. Ban đầu, với quan điểm chống lại quan niệm kỳ thị chủng tộc, văn hoá, Boas đã đưa ra luận điểm văn hoá tộc người là những yếu tố đặc trưng, tiêu biểu nhất, độc đáo nhất do tộc người đó tạo nên qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội và có những nét khác biệt với văn hoá của các tộc người khác. Không có nền văn hoá văn minh tiến bộ hay nền văn hoá lạc hậu. Nghiên cứu các hiện tượng, sự việc cần phải được đặt trong bối cảnh của nền văn hoá đó. Nghiên cứu về một nền văn hoá do đó phải được thực hiện một cách tỉ mỉ và thấu đáo.

Thuyết tương đối văn hóa được đưa ra trên cơ sở tôn trọng những bản sắc riêng, tính đặc thù của mỗi tộc người, cộng đồng mà không có sự phân biệt giữa yếu tố bản địa và hiện đại. Học thuyết này đề cao giá trị đặc thù của mỗi nền văn hóa, do vậy, cũng có ý kiến cho rằng Boas là người đã đề cao bản sắc văn hoá của cộng đồng, nhất là các cư dân bản địa. Các nhà nhân học theo trường phái này cho rằng mỗi nền văn hóa có giá trị tự thân của nó và không thể áp đặt khung văn hóa của một cộng đồng hay của một xã hội khác được coi là văn minh hơn, tiến bộ hơn lên nền văn hóa đó. Do vậy, khái niệm đặc trưng văn hóa và vùng văn hóa đã được nhấn mạnh để mô tả những khác biệt cơ bản giữa các nhóm văn hóa. Không có văn hóa hình thành từ tự nhiên, do bẩm sinh của con người mà văn hóa là một quá trình được thụ đắc, nuôi dưỡng trong các cộng đồng văn hóa cụ thể. Tuy nhiên, giữa các nền văn hoá không có sự biệt lập mà luôn có sự giao thoa và nhiệm vụ của nhà nghiên cứu là phải phân biệt rõ đâu là điểm giao thoa và đâu là điểm khác biệt. F. Boas và các học trò của ông (R. Benedict, M. Mead, M. Herskovist) đã theo đuổi và chứng minh ở nhiều góc độ khác nhau của thuyết tương đối văn hoá, có vai trò tiên phong trong các nghiên cứu về văn hoá từ những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, làm thay đổi nhận thức về văn hoá ở Mỹ và các nước châu Âu (xem thêm Thomas Barfield, 1997:44-45).

Trong nghiên cứu gia đình, theo nguyên tắc phân loại, có thể xác định tổ chức gia đình và quan hệ họ hàng trong xã hội là văn hóa họ hàng hay văn hóa gia đình. Văn hóa theo nghĩa này tồn tại cùng với những hoạt động của con người, song không phải là văn hóa tồn tại một cách cứng

nhắc mà luôn được điều chỉnh một cách linh hoạt. Do vậy, nhà nhân học có thể tiên liệu được những gì có thể xảy ra qua quan sát trong quá trình điền dã bằng cách phát hiện những tiền đề văn hóa, để thấy được các logic chi phối các biến đổi trong thế ứng xử xã hội.

**Thuyết chức năng** do Bronislaw Malinowski (1884–1942), nhà nhân học Anh gốc Ba Lan, mang quốc tịch Áo, đưa ra, tập trung ở hiện tại, để chống lại thuyết tiến hóa hướng đến tương lai và thuyết truyền bá hướng về quá khứ. Theo Malinowski, các yếu tố văn hóa có chức năng thỏa mãn nhu cầu của con người. Ông đề cao phương pháp nghiên cứu quan sát tham dự, cho rằng cần phải nghiên cứu văn hóa từ trong nội tại của chúng chứ không thể nghiên cứu văn hóa từ bên ngoài và nghiên cứu từ lát cắt hiện tại chứ không mô tả một cách quá xa vời những gì đã diễn ra trước đó. Thuyết chức năng tìm hiểu một thiết chế hoặc niềm tin thông qua các mối quan hệ tương hỗ giữa các thiết chế, đặc biệt là trong nghiên cứu quan hệ thân tộc và tôn giáo (Thomas Barfield, 1997:361-365).

Meyer Fortes là người được coi có nhiều đóng góp trong nghiên cứu về hệ thống thân tộc và gia đình. Chịu ảnh hưởng bởi thuyết chức năng của Malinowski, nhưng Fortes đã phát triển thuyết chức năng trong nghiên cứu gia đình. Ông cho rằng sự chi phối cuối cùng của gia đình là đạo đức. Cùng với Malinowski, ông khẳng định các cơ chế tâm lý của việc chăm sóc và trợ giúp là “tiền đề của sự thân thiện” và “nguyên tắc của lòng vị tha theo tục lệ”. Fortes cho rằng mối quan hệ cha mẹ và con cái là sự liên hệ vài thế hệ với nhau theo một dòng (cha hoặc mẹ) nhưng cũng có tính liên kết hai dòng (cả cha và mẹ). Ông nhấn mạnh tới các mối quan hệ theo chiều dọc (nguồn gốc) hơn là mối quan hệ theo chiều ngang (hôn nhân) giữa các nhóm, từ đó đưa ra lý thuyết về nguồn gốc. Theo Fortes, trong khi gia đình là một thiết chế mang tính tạm thời đang mất dần đi các thành viên của nó, nhóm nguồn gốc là một liên hợp tồn tại vĩnh viễn mà các hoạt động thường xuyên của nó có vai trò như một đơn vị trong các mối quan hệ với các nhóm nguồn gốc khác, có thể xem như là một “con người đạo đức”. Nguồn gốc đóng vai trò quan trọng với các mối quan hệ có tư cách thành viên làm cho con người ta trở thành một con người đạo đức, phụ thuộc vào quan niệm “sống tốt” để mang lại giá trị chuẩn mực thừa kế cho thế hệ tiếp sau. Fortes đã phát triển và bổ sung từ Malinowski về tính hợp pháp của sự tự nhận thức và thể hiện, đặc biệt thông qua các nghi lễ (Thomas Barfield, 1997:205).

**Thuyết cấu trúc** được sử dụng rộng rãi trong khoa học xã hội ở thế kỷ XX. Dưới góc độ nhân học, thuyết cấu trúc tập trung vào tính hệ thống của gia đình trong các mối quan hệ của nó. Chẳng hạn, khi nghiên cứu về cơ cấu gia đình, các nhà nhân học quan tâm nhiều hơn đến cấu trúc theo các

mối quan hệ thân tộc, thích tộc, cấu trúc theo mối quan hệ trực hệ hay quan hệ hôn nhân, gia đình mở rộng và gia đình hạt nhân. Theo quan điểm cấu trúc luận, dựa vào mối quan hệ giữa hệ thống thân tộc, thích tộc mà tìm ra các mối quan hệ văn hóa thông qua các cấu trúc đó. Các nhà nhân học theo trường phái cấu trúc luận cũng đã khái quát các hình mẫu phổ quát bằng các biểu tượng đặc trưng trong văn hóa, nhấn mạnh tầm quan trọng của liên minh bên trong cấu trúc thân tộc. Kích thước và thành phần của các hộ gia đình được thể hiện trực tiếp ở hình thức cư trú cùng với quy mô và thành phần gia đình. Tuy nhiên, quy mô và thành phần gia đình biến đổi qua các chu kỳ phát triển đồng thời cũng tạo nên các khuôn mẫu ứng xử trong gia đình. Các loại hình gia đình không chỉ thích nghi và điều hòa, mà còn thể hiện các tôn ti trật tự, các mối quan hệ giới và địa vị xã hội, chiến lược tái sản xuất hộ gia đình và những cách kiến trúc ngôi nhà của họ để khắc sâu biểu tượng gia đình thông qua tổ chức không gian bên trong và thể hiện địa vị gia đình thông qua trang trí bên ngoài. Đại diện cho thuyết cấu trúc là Claude Levi-Strauss (1908–2009), nhà nhân học người Pháp, người được coi là “cha đẻ ngành nhân học hiện đại”.

*Trường phái văn hóa và nhân cách*

Từ những năm 1930, các nhà nhân học Mỹ đã có những nghiên cứu mới trong hướng đi nhằm giải thích một cách kiên trì các khác biệt văn hóa giữa các nhóm người. Tiên phong cho trường phái này là Margaret Mead (1901–1978) với các nghiên cứu về cách thức, mô hình giáo dục và các hệ quả văn hóa mà cá thể tiếp nhận để hình thành nhân cách trẻ em. Theo Mead, quá trình phát triển của trẻ em phải được đặt trong một bối cảnh văn hóa cụ thể và ở mỗi nền văn hóa lại có những định dạng khác nhau trong quá trình phát triển của trẻ em. Sự can thiệp của người lớn đã tạo nên sự thụ động đối với trẻ và cũng tạo nên những phản ứng nhất định của trẻ đối với quá trình xã hội hóa cả trong gia đình, nhà trường và xã hội. Các nhà nhân học đã nhập thân vào giới trẻ với các phương pháp điền dã dân tộc học, khám phá đời sống nội tâm, tìm hiểu về kinh nghiệm của trẻ và thế giới văn hóa, các mối quan hệ của trẻ đối với người lớn, gia đình, cộng đồng và xã hội. Trường phái văn hóa và nhân cách nhấn mạnh vị trí văn hóa trong sự phát triển của trẻ em, đặt bối cảnh văn hóa với các tập quán chăm sóc trẻ em và chỉ ra sự hình thành của nhân cách, lối sống của trẻ thể hiện sự tổng hợp của nền văn hóa đó. Văn hóa không thể tồn tại độc lập như một thực thể tự nó, mà được biểu hiện bởi các cá thể mặc dù mỗi cá thể đều có tính độc lập tương đối trong một nền văn hóa cụ thể. Mỗi nền văn hóa xác định một kiểu ứng xử chung cho toàn thể các cá thể tham gia vào nền văn hóa đó. Vấn đề cần làm sáng tỏ là văn hóa đã hiện diện trong cá thể như thế nào, thúc đẩy họ hành động ra sao và tạo nên

cách ứng xử nào. Trên cơ sở đó hình thành các kiểu nhân cách đặc trưng khác nhau trong các nhóm riêng biệt phù hợp với chuẩn mực văn hóa và hệ thống các giá trị (Thomas Barfield, 1997:314-315).

## **2. Quan điểm nghiên cứu về gia đình của một số nhà nhân học trên thế giới và Việt Nam**

Theo quan điểm của các nhà nhân học, đặc điểm của gia đình và các mối quan hệ gia đình bị ảnh hưởng và chi phối mạnh mẽ bởi các đặc trưng văn hóa, kinh tế - xã hội của tộc người và vùng địa - lịch sử, văn hóa.

Theo các nhà Dân tộc học Xô Viết, nghiên cứu gia đình với tư cách là một thiết chế xã hội thì cần tập trung nghiên cứu những đặc trưng trong cấu trúc gia đình, đặc điểm các mối quan hệ trong gia đình và giữa gia đình với nhiều yếu tố khác như môi trường, xã hội. Nghiên cứu gia đình do vậy thường được tiến hành tập trung dưới các vấn đề chủ yếu như: đặc điểm dân số, kinh tế - xã hội và sinh hoạt của gia đình; ảnh hưởng của quá trình văn hóa - xã hội đến cơ cấu gia đình; các yếu tố tác động của quá trình tộc người, đặc điểm tộc người tới gia đình và ảnh hưởng của các mối quan hệ gia đình đến sự phát triển của cá nhân (A. G. Khartchev, 1964).

Đối với các nhà nhân học Âu - Mỹ, khái niệm “gia đình” để chỉ các gia đình hạt nhân: “Gia đình là một nhóm xã hội thể hiện đặc trưng bởi cư trú chung, hợp tác kinh tế và tái sản xuất nòi giống. Nó bao gồm những người đã thành niên của cả hai giới, ít nhất là hai trong số họ giữ mối quan hệ tình dục được chấp nhận về mặt xã hội và một hoặc nhiều con, con đẻ hay con nuôi”... Tuy nhiên, các nhà nhân học châu Âu cũng cho rằng bản thân thuật ngữ “gia đình” cũng còn khá mập mờ giữa gia đình hạt nhân và các loại hình gia đình khác (Thomas Barfield, 1997:309). Nghiên cứu gia đình cần được xem xét bởi các đặc tính xã hội và văn hóa, bên cạnh các yếu tố về sinh học thì cần phải xem xét các mối quan hệ và sự vận động mang tính quy ước xung quanh các mối quan hệ này như thế nào trong bối cảnh văn hóa, xã hội cụ thể.

Trong bối cảnh văn hóa châu Á nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng, khái niệm gia đình được hiểu với những nội hàm khá đa dạng. Trong đó, gia đình không chỉ là gia đình hạt nhân với các thành viên là bố mẹ và con cái mà còn có hàm nghĩa của gia đình mở rộng, gia đình phức hợp, gia đình hợp đoàn, gia đình tổng hợp hay gia đình kép. Tiếp cận nghiên cứu gia đình với các mối quan hệ trong gia đình và những chức năng, nhiệm vụ của gia đình cũng được thể hiện khá rõ ràng trong mối quan hệ gia đình mở rộng. Bên cạnh các chức năng cơ bản của gia đình là: điều tiết các quan hệ giới tính, duy trì một ngân khoản chung, sinh con và xã hội hóa con cái thông qua giáo dục, gia đình ở châu Á còn có những chức

năng văn hóa thông qua thiết chế phi gia đình và những đứa con có thể được xã hội hóa thông qua gia đình mở rộng và cộng đồng. Gia đình châu Á được nghiên cứu trong mối quan hệ với các nhiệm vụ mà gia đình có trách nhiệm phải hoàn thành trong mỗi xã hội. Chúng ta có thể lý giải mỗi hệ thống gia đình như là sự biểu hiện các giá trị và văn hóa của xã hội. Khái niệm gia đình với đặc thù bên trong về mặt văn hóa luôn biến đổi theo từng xã hội và khái niệm gia đình càng mơ hồ hơn trong giao thoa văn hóa. Do vậy, phân biệt giữa hộ gia đình và gia đình cần được xác định về mặt văn hóa, mỗi xã hội có cách định nghĩa riêng về gia đình và/ hoặc về hộ gia đình (Gran Evan, 2001:119-122).

Có thể thấy, cho đến nay, vẫn chưa có quan điểm thống nhất hay một khái niệm được thừa nhận một cách thuyết phục nhất về gia đình. Cuộc tranh luận về khái niệm gia đình và các cách tiếp cận nghiên cứu về gia đình của các nhà nhân học trên thế giới vẫn đang tiếp tục. Phân loại gia đình và phân biệt giữa hộ gia đình và gia đình là vấn đề luôn được nhiều nhà nhân học thảo luận. Các nhà nhân học gọi những nhóm cư ngụ theo nhiệm vụ là hộ gia đình (household) và gọi những nhóm được xác định bằng hôn nhân và dòng dõi là gia đình (family). Phân biệt gia đình và hộ gia đình là hữu ích để tìm hiểu một số hệ thống gia đình, song phải luôn nhớ rằng khi bàn đến các xã hội đặc thù, thì đơn vị mà cả hai từ ngữ đó quy chiếu là cần được xác định về mặt văn hóa. Mỗi xã hội hay mỗi nền văn hóa có những cách định nghĩa riêng về gia đình hoặc hộ gia đình. Bên cạnh các mối quan hệ về sinh học, gia đình còn có các mối quan hệ xã hội khác và các mối quan hệ xã hội này thường phức tạp hơn trong các xã hội theo chế độ mẫu hệ hay phụ hệ. Các nhà nhân học có thể xác định được vai trò của họ hàng đối với gia đình và những quy tắc để tạo nên gia đình và những nhóm khác dựa trên quan hệ họ hàng, đó là văn hóa. Trong phạm vi của bối cảnh văn hóa cụ thể, mỗi thành viên trong gia đình có thể điều chỉnh hành vi của mình nhưng họ cũng không thụ động bởi khuôn mẫu văn hóa đó (Grant Evans, 2001:122-123).

Nghiên cứu về gia đình được các nhà Dân tộc học/ Nhân học Việt Nam quan tâm. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu về gia đình, thân tộc, họ hàng dưới góc độ dân tộc học được thực hiện cách đây đã 30- 40 năm, tức là từ những năm 80, 90 của thế kỷ trước. Các nghiên cứu này thường tập trung về một số vấn đề như: chức năng, cấu trúc của gia đình; một số mối quan hệ trong gia đình, chủ yếu là mối quan hệ thân tộc trong các gia đình mở rộng; vai trò của gia đình trong quá trình phát triển của xã hội. Một số ít các công trình nghiên cứu sâu về lý thuyết như hình thái tổ chức của gia đình và tổ chức clan<sup>(1)</sup>, cấu trúc và loại hình gia đình (Nguyễn Hữu Thấu, 1976; Phạm Quang Hoan, 1985, 1988; Vũ Lợi, 1985; Đặng Nghiêm Vạn,

1991). Một số nghiên cứu tuy không nêu rõ theo quan điểm lý thuyết nào nhưng đã tập trung làm rõ đặc trưng văn hóa của gia đình qua hệ thống các biểu trưng giá trị trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, với họ hàng, xã hội. Đạo làm con phải hiếu kính với cha mẹ, đạo làm anh em phải cùng nhau hòa thuận, đạo làm vợ chồng phải dốc lòng ân nghĩa, cha mẹ phải biết sửa mình để dạy con... (Phan Đại Doãn, 1992). Hay khuôn mẫu đàn ông bao giờ cũng là chủ, lo toan, quyết định mọi việc trong gia đình, phụ nữ là trợ thủ đắc lực nhưng phụ thuộc hoàn toàn vào chồng (Đỗ Thúy Bình, 1994).

Trong những năm gần đây, vắng bóng các công trình nghiên cứu về gia đình dưới góc độ nhân học/dân tộc học, đặc biệt là việc áp dụng các lý thuyết hiện đại vào trong nghiên cứu gia đình ở Việt Nam. Những vấn đề liên quan đến khái niệm, các loại hình, cấu trúc, các mối quan hệ trong gia đình, các giá trị của gia đình dưới góc độ văn hóa,... cần tiếp tục được làm rõ, nhất là những biến đổi của gia đình trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập hiện nay.■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Clan là thuật ngữ chỉ một nhóm người có quan hệ thân tộc theo một dòng đặc trưng, có chung một khu vực cư trú, có môi quan hệ xã hội chặt chẽ bên trong.

### Tài liệu trích dẫn

- A.G. Khartchev. 1964. *Hôn nhân và gia đình ở Liên Xô*. Bản dịch tiếng Việt.
- Đặng Nghiêm Vạn. 1991. “Dòng họ, gia đình các dân tộc ít người trước sự phát triển hiện nay”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
- Đỗ Thúy Bình. 1994. “Dòng họ và mối quan hệ gia đình dân tộc Thái”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
- Emily A. Schultz. 2001. *Nhân học, một quan điểm cho tình trạng nhân sinh*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Gran Evan. 2001. *Bức khảm văn hóa châu Á*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- Phạm Quang Hoan. 1985. “Vài suy nghĩ về phương pháp phân loại gia đình”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
- Phạm Quang Hoan. 1988. “Gia đình: bản chất, cấu trúc, loại hình”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 1&2.
- Phan Đại Doãn. 1992. “Chữ “Hiếu” trong quan hệ gia đình, làng xã người Việt truyền thống”. *Tạp chí Dân tộc học*, 1992.
- Thomas Barfield. 1997. *The dictionary of Anthropology*. Blackwell.
- Vũ Lợi. 1985. “Cấu trúc gia đình Ê đê”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 3.